

Bản án số: 1185/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 9 - 2024

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Én

Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 728/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 492/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Nhung, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Số 702/63/2 đường Lê Đức Thọ, Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số 968 đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Đình D, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Số 702/63/2 đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số 493/47 đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người đại diện ủy quyền: Ông Trần Đăng T, sinh năm 1987; địa chỉ Số 8/12 đường N, khu phố 8, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Phan Trần Trung K, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp 5, Song Ray, huyện C, Tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền số 008102 quyền số 892/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/7/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà và ông Lê Đình D chung sống với nhau vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trảng S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ nhau, ông D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên đánh đập bà, cuộc sống chung thật sự không hạnh phúc nên đã ly thân từ tháng 4/2024. Nay bà xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Đình Bảo Q, sinh ngày 07/6/2012 và Lê Cát Tường V, sinh ngày 10/9/2019. Hiện các con đang sống cùng ông D, bà nhiều lần đến thăm con nhưng bị ông D cản trở, gây khó khăn. Ly hôn, bà yêu được cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ V và giao trẻ Q cho ông D, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông Lê Đình D trình bày:

Ông thống nhất về việc đăng ký kết hôn cũng như những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình vợ chồng chung sống nhưng ông không có quan hệ ngoại tình, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không thống nhất với nhau về việc giáo dục con chung, không có sự tin tưởng lẫn nhau, bà N không tôn trọng và thậm chí xúc phạm ông nên cuộc sống chung không hạnh phúc, hiện đã sống ly thân từ tháng 4/2024 đến nay. Mặc dù cả hai cũng đã rất nhiều lần được gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả, tình cảm không còn nên bà N yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà N trình bày trên, các con hiện đang sống cùng ông, không có việc ông cản trở bà N đến thăm con. Ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Lê Đình D; về con chung: Giao trẻ Lê Đình Bảo Q, sinh ngày 07/6/2012 cho ông D và trẻ Lê Cát Tường V, sinh ngày 10/9/2019 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được

thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Do bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 80, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Trảng S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An cấp ngày 13/9/2011, xác định hôn nhân giữa ông D và bà N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân bà N xin ly hôn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc nên sống ly thân từ tháng 4/2024. Tuy kết quả xác minh tại địa phương không thể hiện mâu thuẫn vợ chồng nhưng theo tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp cũng như trong quá trình Tòa giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm không còn nên bị đơn đồng ý ly hôn. Xét thấy, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, tin tưởng, chăm sóc, quan tâm và tôn trọng nhau, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu nhưng cả hai không có hướng khắc phục, giải quyết, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông D hoàn toàn không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà N là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Đình Bảo Q, sinh ngày 07/6/2012 và Lê Cát Tường V, sinh ngày 10/9/2019. Bà N và ông D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, về phía trẻ Quân có nguyện vọng ở cùng ông D. Xét, cả ông D và bà N đều có công việc làm và nguồn thu nhập ổn định, đều có sự quan tâm đến các con; cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các trẻ, đồng thời trẻ V là con gái nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc trong quá trình phát triển tâm sinh lý từ người mẹ nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao trẻ Quân cho ông D và giao trẻ V cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Lê Đình D (Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Trảng S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An cấp ngày 13/9/2011 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao trẻ Lê Đình Bảo Q, sinh ngày 07/6/2012 cho ông Lê Đình D và trẻ Lê Cát Tường V, sinh ngày 10/9/2019 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông D, bà N cho đến khi một trong các bên có yêu cầu.

Ông D, bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nguyên đơn phải chịu, được căn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013923 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên